

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NGHĨA HƯNG
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Án số: 107/2019/HNGĐ - ST

Ngày: 02 - 07 - 2019.

V/v: Hôn nhân và gia đình.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGHĨA HƯNG TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Phạm Văn Chung

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Chính.

2. Ông Đào Văn Rạng.

- Thư ký phiên toà: Ông Trần Trọng Ích cán bộ Toà án nhân dân huyện Nghĩa Hưng tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 02/07/2019 tại trụ sở Toà dân huyện Nghĩa Hưng mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số án nhân 60/2019/TLST - HNGĐ ngày 04 tháng 04 năm 2019. Về vụ án Kiện xin ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2019/QĐXXST - DS ngày 04/06/2019 giữa và quyết định hoãn phiên tòa số 22/2019/QĐST – HNGĐ ngày 20 tháng 06 năm 2019 giữa:

Nguyên đơn: Chị Đỗ Thị Kiều A - sinh năm 1993;

Địa chỉ: Xóm 09, xã NT, huyện N, tỉnh Nam Định.

Bị đơn: Anh Trần Văn T - sinh năm 1993.

Địa chỉ: Xóm 09, xã NT, huyện N, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa có mặt chị A, vắng mặt anh T

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện lập ngày 04/03/2019 cũng như lời khai của nguyên đơn là chị Đỗ Thị Kiều A trong quá trình giải quyết trình bày: Chị kết hôn với anh Trần Văn T vào tháng 04/2015 trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã NT, huyện N, tỉnh Nam Định. Ngay sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống với nhau đã

không hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng phát sinh nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, anh T chơi bời, không quan tâm đến chị, do chơi bời dẫn đến bị nghiện chất ma túy, chị và gia đình đã động viên khuyên bảo nhưng anh T không thay đổi. Trong thời gian anh T đi cai nghiện chị đã thăm hỏi và động viên nhưng anh T tỏ ra lạnh nhạt với chị. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn mục đích hôn nhân không đạt được đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T. Về con chung theo chị A giữa chị và anh T có một con chung là cháu Trần Bảo N, sinh ngày 29/09/2015 kể từ khi vợ chồng ly thân, con chung đang do chị trực tiếp nuôi dưỡng vợ chồng ly hôn chị xin nhận nuôi cháu N, không yêu cầu anh T phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Về tài sản chung chị A thống nhất vợ chồng không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về án phí dân sự sơ thẩm chị A đề nghị giải quyết theo quy định.

Tại phiên tòa hôm nay anh Trần Văn T vắng mặt. Lời khai của anh T tại buổi làm việc thể hiện: Anh và chị Kiều A kết hôn với nhau tháng 4/2015 trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã NT. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng phát sinh nguyên nhân do anh chơi bời, không tu trí làm ăn vợ chồng ly thân từ tháng 10/2017. Nay chị A có đơn xin ly hôn quan điểm của anh không muốn ly hôn vì muốn con cái sau này có bố, có mẹ. Con chung anh T thống nhất vợ chồng có một con chung Trần Bảo N, sinh ngày 29/09/2015 kể từ khi vợ chồng ly thân, con chung đang do chị A trực tiếp nuôi dưỡng. Vợ chồng ly hôn anh xin nhận nuôi cháu N không yêu cầu chị Kiều A đóng góp cấp dưỡng nuôi con cùng anh, tài sản chung anh T thống nhất không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến xét xử tại phiên tòa hôm nay Thẩm Phán thụ lý giải quyết cũng như Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung:

- Quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thị Kiều A có đơn xin ly hôn anh Trần Văn T xác định vợ chồng ly thân đã nhiều năm nhưng không muốn ly hôn vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điều 56 Luật hôn nhân gia đình giải quyết ly hôn giữa anh T và chị Kiều A.

- Về con chung: Chị Kiều A và anh T có một con chung là cháu Trần Bảo N, sinh ngày 29/09/2015 kể từ khi vợ chồng ly thân cháu N đang do chị A nuôi dưỡng, vợ chồng ly hôn chị Kiều A xin nhận trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu anh T phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị thấy có căn cứ đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận.

- Về tài sản chung: Chị A và anh T thống nhất không có, không yêu cầu giải quyết.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Nghị quyết 326 tuyên chị Kiều A phải nộp phải nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Toà, căn cứ vào lời trình bày của đương sự và trên cơ sở tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Anh Trần Văn T và chị Đỗ Thị Kiều A đều đăng ký hộ khẩu và hiện có địa chỉ thường trú tại xã NT huyện N, tỉnh Nam Định. Chị A có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Hưng giải quyết vụ án của anh chị được Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Hưng thụ lý giải quyết vụ án là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[1.2] Tại phiên tòa hôm nay anh Trần Văn T vắng mặt anh T đã được tổng đạt giấy triệu tập phiên tòa hợp lệ nhưng anh vẫn cố tình vắng mặt. Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Hưng xét xử vắng mặt anh T là có căn cứ và phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung: Cuộc hôn nhân giữa chị Đỗ Thị Kiều A và anh Trần Văn T vào tháng 4/2015 được UBND xã NT, huyện N, tỉnh Nam Định cấp đăng ký kết hôn là một hôn nhân hợp pháp. Ngay sau khi được cấp đăng ký kết hôn vợ chồng về chung sống thì mâu thuẫn vợ chồng phát sinh, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống và do anh T chơi bời nghiện chất ma túy. Mặc dù được gia đình hai bên khuyên bảo nhưng anh T không sửa chữa, vợ chồng ly thân nhau từ tháng 10/2017. Chị Kiều A xác định tình cảm vợ chồng không còn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Hưng giải quyết vợ chồng được ly hôn, anh T xác định mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, vợ chồng ly thân nhau đã nhiều năm nhưng không muốn giải quyết ly hôn, quan điểm Viện kiểm sát đề nghị giải quyết ly hôn. Thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa anh T và chị Kiều A trầm trọng vợ chồng ly thân đã nhiều năm, mục đích hôn nhân không đạt được chị Kiều A xin ly hôn là có căn cứ chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị Đỗ Thị Kiều A và anh Trần Văn T đều thống nhất vợ chồng có một con chung là cháu Trần Bảo N, sinh ngày 29/09/2015 kể từ khi vợ chồng ly thân cháu N đang do chị A nuôi dưỡng, vợ chồng ly hôn anh T và chị Kiều A đều có nguyện vọng xin nhận trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu bên kia phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung.

[3.1] Xét nguyện vọng của xin được trực tiếp nuôi con chung sau ly hôn của anh T và chị A thấy kể từ khi vợ chồng ly thân cho đến nay cháu N do chị A trực nuôi dưỡng, hiện bản thân anh T vừa đi cai nghiện về chưa có việc làm ổn định vì vậy nên tiếp tục giao cháu N cho chị Kiều A trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

[3.2] Xét yêu cầu của chị Kiều A về việc không yêu cầu anh T phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị thấy là hoàn toàn tự nguyện không trái đạo đức xã hội, không vi phạm điều cấm của pháp luật, vì vậy được chấp nhận.

[4] Về tài sản chung vợ chồng: Chị Đỗ Thị Kiều A và anh Trần Văn T thống nhất không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết vì vậy không đặt ra vấn đề xem giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm chị Đỗ Thị Kiều A phải nộp theo quy định của pháp luật.

[6] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa về nội dung giải quyết vụ án thấy phù hợp chấp nhận.

Vì các lý trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 56, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ các Điều 147, 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ các Điều 6 và 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1 - Xử lý hôn giữa chị Đỗ Thị Kiều A và anh Trần Văn T.

2 - Về con chung: Xử giao con chung là cháu Trần Bảo N, sinh ngày 29/09/2015 cho chị Đỗ Thị Kiều A trực tiếp nuôi dưỡng, anh T không phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Kiều A. Không ai được ngăn cản quyền chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng và thăm nom con chung.

3 - Án phí dân sự sơ thẩm Đỗ Thị Kiều A phải nộp 300.000đ, số tiền tạm ứng án phí 300.000đ chị Anh đã nộp theo biên lai số AA/2017/0000662 ngày 04/04/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Nghĩa Hưng được đối trừ, chị Đỗ Thị Kiều A đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Báo cho người có mặt biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án và người được thi hành án có quyền tự nguyện thi

hành án, thỏa thuận thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a và 9 Luật thi hành dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành dân sự.

Nơi nhận:

- Toà án Tỉnh.
- VKS huyện.
- THA huyện.
- UBND xã NT.
- Các đương sự.
- Lưu án văn

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(đã ký)**

Phạm Văn Chung